

KIỂM CHẾ LẠM PHÁT

ñeataâng tröông kinh teabeà vöông

TS.Trần Thị Kỳ

Lạm phát luôn là vấn đề được quan tâm bởi các nhà hoạch định chính sách, các chuyên gia kinh tế và dân chúng, vì nó ảnh hưởng đến việc điều hành chính sách kinh tế vĩ mô, đến thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của các chủ thể kinh tế, đến mức sống, đến thất nghiệp và niềm tin của dân chúng. Tại các quốc gia phát triển, lạm phát được coi là vấn đề kinh tế – xã hội rất nghiêm trọng. Khi một nền kinh tế có lạm phát ở mức độ cao sẽ dẫn đến sản xuất bị đình trệ, sụt giảm tiết kiệm, luồng vốn trong nước dùng cho đầu tư giảm và chạy ra nước ngoài, từ đó làm giảm nhịp độ tăng trưởng kinh tế, mất khả năng thực hiện những kế hoạch dài hạn của quốc gia và cực điểm của nó có thể tạo nên sự căng thẳng về chính trị và xã hội. Vì vậy, hầu hết các quốc gia trên thế giới luôn phải đối mặt và tìm các giải pháp để kiểm chế lạm phát, phải có sự đánh đổi nhất định giữa tăng trưởng kinh tế và lạm phát. Việt Nam cũng không phải ngoại lệ.

Nhìn lại quá khứ tại Việt Nam, giai đoạn 1986 đến 1989, không ai có thể quên được, tỷ lệ lạm phát nước ta ở mức ba con số và kéo dài trong suốt 3 năm đã tác động tới tăng trưởng kinh tế đạt mức rất thấp: mức tăng trưởng bình quân mỗi năm đạt 3,9%, thể hiện qua bảng 1.

Bảng 1: Tình hình lạm phát và tăng trưởng kinh tế Việt Nam từ 1986 -1989

Năm	1986	1987	1988	1989
Tỷ lệ lạm phát (%)	774,7	223,1	393,8	34,7
Tỷ lệ tăng trưởng(%)	0,3	3,6	6,0	4,7

Nền kinh tế sau một số năm ảm đạm lại bừng sáng trở lại, một phần nhờ vào những thành công trong việc đẩy lùi được lạm phát và dần dần kiểm soát được chúng, tỷ lệ lạm phát trong nhiều năm luôn giữ ở mức một con số, thành công này đã tạo thuận lợi để thu hút nguồn vốn trong và ngoài nước đầu tư cho nền kinh tế, đưa đến sự tăng trưởng kinh tế liên tục và phát triển ổn định trong thời gian dài. Quan sát bảng 2 chúng ta sẽ thấy rõ điều này.

Số liệu bảng 2 cho thấy đến tháng 6/2007, chúng ta vẫn kiểm soát được tỷ lệ lạm phát (6,19%) thấp hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế (7,87%), nhưng để đạt được mục tiêu Nhà nước đề ra: tăng trưởng bình quân năm nay đạt 8,5% và phải đảm bảo cao hơn tỷ lệ lạm phát thì đây quả là một thách thức nặng nề đối với chúng ta từ nay đến cuối năm, trong khi chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trong mấy tháng gần đây liên tục tăng, tính đến 9 tháng đầu năm 2007 so với 9 tháng đầu năm 2006 tăng 7,53%, nhiều mặt hàng liên tục tăng giá và áp lực tăng giá còn rất lớn do phải giải phóng mặt bằng, giải ngân vốn đầu tư Nhà nước cho

các công trình xây dựng cơ bản, do nhập siêu, do lũ lụt, do những rủi ro trong xây dựng, do giá cả nhiều mặt hàng như xăng, dầu... trên thế giới có xu hướng tăng, sức cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam còn thấp

Bảng 2 : Tình hình lạm phát và tốc độ tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam từ 1990 -6/2007

Năm	Tỷ lệ lạm phát (%)	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (%)
1990	67,4	5,1
1991	67,5	6,0
1992	17,5	8,6
1993	5,2	8,1
1994	14,4	8,8
1995	12,7	9,5
1996	4,5	9,3
1997	3,6	8,7
1998	9,2	5,8
1999	0,1	4,8
2000	-0,6	6,8
2001	-0,2	6,9
2002	4,0	7,1
2003	3,0	7,3
2004	9,5	7,6
2005	7,8	8,4
2006	8,4	8,2
6/2007	6,2	7,9

Để đạt được mục tiêu của Nhà nước năm 2007, không để kịch bản lạm phát hai con số xảy ra như dự báo của IMF. Đồng thời, về lâu dài cần kiểm soát lạm phát ở mức 2% - 3% tạo thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế ổn định, theo tôi cần có sự phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương tập trung vào hai nhóm giải pháp lớn, đó là :

Thứ nhất, nhóm giải pháp tăng lượng hàng hóa bán ra để cân đối với lượng tiền thực tế lớn hơn lượng tiền cần thiết cho lưu thông hàng hóa.

-Trước tiên, Bộ Tài chính cần tiếp tục xem xét thực hiện giảm thuế nhập khẩu đối với những mặt hàng cần thiết cho tiêu dùng trong nước và những mặt hàng có ảnh hưởng nhiều đến sản xuất các sản phẩm phục vụ trong nước cũng như xuất khẩu. Việc giảm thuế nhập khẩu sẽ làm tăng lượng hàng hóa nhập khẩu, giá cả các mặt hàng này bán ra sẽ giảm, kéo theo giá các mặt hàng tương tự sản xuất trong nước để cạnh tranh được với hàng nhập khẩu cũng phải giảm xuống, làm giảm tỷ lệ lạm phát. Mặt khác, giảm thuế nhập khẩu, giá nguyên vật liệu nhập khẩu rẻ tạo điều kiện để các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu giảm giá thành, tăng sức cạnh tranh, từ đó đẩy mạnh xuất khẩu ra nước ngoài. Đồng thời, giảm thuế nhập khẩu cũng giúp Việt Nam thực hiện đúng lộ trình đã cam kết với các tổ chức thương mại quốc tế. Thời gian gần đây, Bộ Tài chính đã kịp thời giảm thuế nhập khẩu rất nhiều mặt hàng thuộc các nhóm hàng có thuế suất cao như mặt hàng điện tử,

mỹ phẩm, ô tô ... giảm 10%, nhưng tập trung giảm thuế suất nhập khẩu với các mặt hàng thuộc nhóm hàng lương thực, thực phẩm và nhóm hàng tác động mạnh đến chỉ số tiêu dùng (CPI) như: Gas, xăng, sữa, thuốc chữa bệnh... có nhiều mặt hàng đã giảm tới 50% -100% so với mức thuế suất hiện hành. Việc làm này của Bộ Tài chính đã góp phần làm giảm giá cả thị trường. Tuy nhiên, mặt trái của giảm thuế nhập khẩu sẽ làm giảm thu nhập của ngân sách, vì vậy để giải pháp này thực thi có hiệu quả. Bộ Tài chính cần theo dõi tác dụng của các mặt hàng đã giảm thuế để có sự điều chỉnh giảm thuế suất xuống nữa hoặc tăng lên cho phù hợp nhằm đạt được mục tiêu đề ra. Bên cạnh việc giảm thuế một số hàng hóa, Bộ Tài chính cần kết hợp các biện pháp tăng cường kiểm soát thị trường chống buôn lậu, chống độc quyền và chống đầu cơ tích trữ để trục lợi.

Biện pháp lâu dài, cùng với Bộ Tài chính, các bộ, ngành khác như Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Xây dựng... phải thảo luận để đưa ra các biện pháp tháo gỡ các ách tắc cho sản xuất kinh doanh, rà soát lại và sửa đổi cho phù hợp các chính sách, các quy định nhằm thu hút vốn trong và ngoài nước, khuyến khích đầu tư xây dựng các dự án, công trình có tính chất then chốt, trụ cột của nền kinh tế như điện, cơ sở hạ tầng....để kéo theo các ngành nghề khác phát triển nhằm tăng lượng hàng hóa sản xuất bán ra trong nước và xuất khẩu. Bên cạnh đó, không nên dành nguồn lực tài chính ưu ái cho các doanh nghiệp quốc doanh (dù đã có tên gọi là tập đoàn) khi hoạt động kinh doanh kém hiệu quả. Đồng thời, với phát triển sản xuất kinh doanh cũng cần có các biện pháp phòng chống rủi ro xảy ra như phòng chống dịch bệnh ở gia súc, gia cầm, dịch bệnh ở các cây trồng như lúa, cà phê, phòng chống lũ lụt, cháy, nổ ...

Thứ hai, nhóm giải pháp về tiền tệ: giảm khối lượng tiền cung ứng ra lưu thông và rút bớt lượng tiền từ lưu thông về. Để thực hiện nhóm giải pháp này cần có sự kết hợp giữa Bộ Tài chính và hệ thống ngân hàng, bao gồm ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại.

Đối với Bộ Tài chính

Trước hết, Bộ Tài chính cần thực hiện phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu kho bạc, tín phiếu kho bạc để hút tiền từ lưu thông về. Thời gian qua, Bộ Tài chính cũng đã thực hiện điều này, nhưng hiệu

ứng tác động để giảm tỷ lệ lạm phát chưa mạnh, nên trong thời gian tới, cần tăng số lần phát hành, với nhiều kỳ hạn hơn, với mức huy động lớn hơn. Tuy nhiên, để huy động được nguồn tiền nhàn rỗi trong xã hội với khối lượng mong muốn, Bộ Tài chính cần phải đưa ra lãi suất cạnh tranh. Đồng thời với việc huy động vốn Bộ Tài chính cần có kế hoạch sử dụng sao cho có hiệu quả, nếu không sẽ kéo tỷ lệ lạm phát cao hơn so với trước đó, vì phát hành trái phiếu kho bạc, tín phiếu kho bạc....xét cho cùng chỉ mang tính chất tức thời, lượng tiền lưu thông chỉ giảm trong khoảng thời gian Bộ Tài chính chưa sử dụng để tái đầu tư, nhưng khi Bộ Tài chính dùng nguồn tiền huy động được để đầu tư vào nền kinh tế, lúc đó lượng tiền rút khỏi lưu thông trước đây lại trở về lưu thông, nếu lượng tiền này không nhanh chóng tạo ra nguồn hàng tương ứng thì sẽ làm tăng tỷ lệ lạm phát lên gấp nhiều lần, vì vậy, Bộ Tài chính cần cân nhắc thận trọng trong việc xác định hợp lý thời gian, mức độ cho lượng tiền đã rút ra khỏi lưu thông quay trở lại lưu thông, trong đó vấn đề quan trọng hàng đầu là đầu tư vào đâu để phát huy hiệu quả kinh tế nhanh, chứ không nhất thiết phải giải ngân nhanh mà bỏ qua tính hiệu quả.

Bộ Tài chính cần kiểm soát chặt chẽ các khoản chi tiêu Nhà nước đảm bảo hợp lý không để bội chi ngân sách vượt quá 5% như mục tiêu đã đề ra. Để làm được điều này, cần phải cân nhắc thận trọng về việc tăng lương tối thiểu 20% /năm, theo tôi chưa nên đặt ra vào năm nay. Bên cạnh đó, cần kiểm sát chặt chẽ đối với các nhà thầu xây dựng các công trình, dự án ngay từ đầu để đảm bảo chất lượng, tránh phá đi làm lại nhiều lần, đầu tư tràn lan, không tập trung, dứt điểm, không có hiệu quả.

Một biện pháp tương tự khác, đó là Bộ Tài chính, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cần cùng nhau thảo luận để xem xét rà soát, điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi các quy định đã ban hành nhằm tạo thuận lợi cho các công ty cổ phần có uy tín, có tiềm năng phát triển, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nhưng thiếu vốn có thể phát hành cổ phiếu, một mặt để giải quyết nhu cầu vốn thiếu hụt đầu tư vào sản xuất kinh doanh. Mặt khác, có tác dụng rút bớt một lượng tiền mặt nhất định ra khỏi lưu thông, tạo sự cân bằng tiền, hàng tạm thời, để sau đó tạo ra sự cân đối bền vững hơn dựa trên cơ sở lượng hàng hóa được tạo ra sau một thời gian đầu tư vốn cho sản xuất kinh doanh.

Đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Để thực hiện mục tiêu của Chính phủ, kiềm chế lạm phát thấp hơn tốc độ tăng trưởng không thể thiếu sự tham gia của ngân hàng Nhà nước, thời gian qua ngân hàng Nhà nước đã sử dụng rất có hiệu quả một số công cụ của chính sách tiền tệ để kiềm chế lạm phát, cụ thể: Ngày 01 tháng 06 năm 2007 ngân hàng Nhà nước đã công bố tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi bằng tiền Việt Nam và ngoại tệ lên 10%, giữ lãi suất cơ bản của đồng tiền Việt Nam ở mức 8,25%.

Việc tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi bằng tiền Việt Nam và ngoại tệ của ngân hàng Nhà nước có tác dụng giảm nguồn vốn cung ứng cho nền kinh tế cũng như giảm khả năng tạo tiền bút tệ của các ngân hàng thương mại. Biện pháp giảm bớt



số lượng tiền cung ứng cho lưu thông này của ngân hàng Nhà nước góp phần đáng kể trong việc giảm tỷ lệ lạm phát. Tuy nhiên, theo tôi ngân hàng Nhà nước thời gian tới vẫn phải tiếp tục theo dõi và đánh giá tác động của việc tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với hoạt động của các tổ chức tín dụng cũng như đối với việc kiểm chế lạm phát, để có những giải pháp thích hợp tăng thêm hoặc giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc.

Cùng với biện pháp tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc, ngân hàng Nhà nước đã thực hiện bán tín phiếu ngân hàng Nhà nước thông qua nghiệp vụ thị trường mở để rút tiền ra khỏi lưu thông, kết quả 6 tháng đầu năm 2007, ngân hàng Nhà nước đã rút khỏi lưu thông số tiền 89.550 tỷ đồng từ bán tín phiếu NHNN, nhưng so với con số 112.000 tỷ được NHNN bơm ra lưu thông để mua 7 tỷ USD dự trữ thì còn có khoảng 20 % lượng tiền VND đang nằm trong lưu thông, đây là một trong các nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ lạm phát không giảm trong khi các bộ, ngành đã áp dụng nhiều biện pháp đồng bộ khác. Vì vậy, theo tôi thời gian tới, ngân hàng Nhà nước cần nghiên cứu, cân nhắc để có những quyết định đúng đắn hoặc phát hành thêm tín phiếu NHNN để bán ra trên thị trường mở, hoặc bán ngoại tệ ra trên thị trường hối đoái để hút 20 % tiền VND còn nằm trong lưu thông, sao cho vẫn bình ổn tỷ giá hối đoái, ổn định giá trị đồng tiền trong nước, ổn định thị trường giá cả, kiểm chế lạm phát.

Bên cạnh công cụ dự trữ bắt buộc, công cụ nghiệp vụ thị trường mở đang được áp dụng, ngân hàng Nhà nước cũng cần sử dụng công cụ lãi suất, điều chỉnh tăng lãi suất tái cấp vốn, lãi suất chiết khấu để giảm nguồn vốn cho vay của các ngân hàng thương mại đối với nền kinh tế. Điều này sẽ góp phần giảm lượng cung tiền ra lưu thông, từ đó có tác dụng làm giảm tỷ lệ lạm phát.

Đồng thời với việc sử dụng các công cụ của chính sách tiền tệ để kiểm chế tỷ lệ lạm phát, ngân hàng Nhà nước có thể đề nghị với Chính phủ, với Quốc hội để giảm mức cung tiền cả năm 2007 từ 90 nghìn tỷ đồng xuống thấp hơn ở mức hợp lý.

Một biện pháp khác, ngân hàng Nhà nước, cùng với các bộ, ngành có liên quan cần quan tâm nghiên cứu để sử dụng một phần quỹ dự trữ ngoại tệ vào mục tiêu đầu tư các công trình, dự án khả thi, có hiệu quả để tăng hàng hóa cho nền kinh tế, từ đó góp phần cân đối tiền hàng thay thế cho việc phát hành trái phiếu quốc tế.

Đối với các ngân hàng thương mại.

Các giải pháp đối với ngân hàng thương mại, trong một vài tháng gần đây với áp lực của việc tăng giá nhiều mặt hàng, tăng tỷ lệ lạm phát, để tăng được nguồn vốn huy động các ngân hàng thương mại dựa trên cơ sở lãi suất cơ bản của ngân hàng Nhà nước, bám sát lãi suất thị trường đã đồng loạt tăng lãi suất tiền gửi, cùng các biện pháp khuyến mãi khác, đã hút nguồn tiền đáng kể nhàn rỗi trong lưu thông vào ngân hàng để cho vay, đầu tư. Điều này cũng góp phần đáng kể rút bớt lượng tiền trong lưu thông. Tuy nhiên, để giảm lượng tiền trong lưu thông, cùng với việc rút bớt tiền từ lưu thông về, ngân hàng Nhà nước đã điều hành để giảm lượng cung tiền cung ứng ra

lưu thông của các ngân hàng thương mại thông qua các quy định: không cho vay có đảm bảo bằng cầm cố giấy tờ có giá (trừ một số trường hợp đặc biệt), cho vay chiết khấu chỉ thực hiện trong hạn mức được phân bổ... Tuy nhiên, theo tôi các ngân hàng thương mại, bên cạnh việc xem xét cẩn trọng các khoản tín dụng trước khi quyết định cho vay, cần kiểm soát chặt chẽ việc giải ngân, việc thu nợ đối với các hợp đồng tín dụng đã được ký kết, phát hiện và xử lý kịp thời các khoản tín dụng xấu có khả năng phát sinh, giúp các doanh nghiệp có vốn kịp thời đáp ứng nhu cầu sản xuất để tăng hàng hóa cho nền kinh tế, góp phần cân đối tiền hàng, nhằm giảm tỷ lệ lạm phát theo mong muốn.

Trên đây là một số ý kiến của bản thân tôi muốn trao đổi cùng bạn đọc, để có thể tìm các biện pháp tối ưu, nhằm kiểm soát lạm phát trong giới hạn chấp nhận, tạo thuận lợi tăng trưởng kinh tế như mục tiêu đã đề ra ■

Tài liệu tham khảo

1. Lạm phát mục tiêu, cơ sở lý luận, kinh nghiệm thực tiễn và thách thức đối với nền kinh tế mới nổi - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, vụ chiến lược phát triển ngân hàng, Hà Nội 9/2005.
2. Vận dụng cân đối tiền- hàng để triệt tiêu lạm phát- Nguyễn Cao Dũng, Nhà xuất bản Phương Đông 03/2005.
3. vietnamnet.vn/kinhte/2007.
4. Báo tuổi trẻ.



Ngân hàng Liên Doanh Lào- Việt
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

KHÁNH THÀNH TRỤ SỞ MỚI
NGÀY 21/01/2008

Quà tặng dành cho 300 khách hàng
đến giao dịch đầu tiên

Phương thức trả lãi	Kỳ hạn, lãi suất VND (%/tháng)					
	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	12 tháng	13 tháng
Lãi tháng	-	0,680	0,695	0,715	0,735	0,755
Lãi quý	-	-	0,715	0,735	0,755	0,775
Lãi cuối kỳ	0,610	0,710	0,730	0,750	0,780	0,790

Địa chỉ: 49 Phạm Việt Chánh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 8.247.417 - 8.247.425 Fax: 8.247.419
Website: www.laovietbank-hcm.com E-mail: lvbhcmm@hcm.vnn.vn